

Số: /QĐ-YTNH

Đông Ninh Hòa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến
“Thư viện truyền thông online” tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản
Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC NINH HÒA

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa thành Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Điều lệ sáng kiến; đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, đề tài tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học kỹ thuật Trung tâm Y tế Ninh Hòa về việc phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến “Thư viện truyền thông online” tại Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản, Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến “**Thư viện truyền thông online**” tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản, Trung tâm Y tế Ninh Hòa” (Đính kèm đề cương sáng kiến).

Điều 2. Các Khoa, Phòng, Trám có liên quan có nhiệm vụ tiếp nhận và căn cứ áp dụng tại đơn vị mình.

Phòng Điều dưỡng-Truyền thông và Giáo dục sức khỏe tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai ứng dụng sáng kiến theo đúng quy định.

Điều 3. Trưởng các Khoa, Phòng, Trám, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (VBĐT);
- Lãnh đạo TTYT (VBĐT);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tiến Khoa

ĐỀ CƯƠNG
“THƯ VIỆN TRUYỀN THÔNG ONLINE”
TẠI KHOA CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ PHỤ SẢN
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC NINH HÒA

I. PHẦN GIỚI THIỆU

1. Tên mô hình, sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính: “Thư viện truyền thông online” tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản & Phụ sản Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa.

2. Từ khóa nội dung của mô hình, sáng kiến giải pháp

Chuyển đổi số

3. Tên đơn vị viết sáng kiến

Phòng Điều dưỡng & TTGDSK

II. PHẦN NỘI DUNG MÔ HÌNH, SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Bối cảnh thực hiện

Truyền thông – giáo dục sức khỏe là một hoạt động quan trọng trong công tác chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế nói chung cũng như hoạt động trong chăm sóc sức khỏe sinh sản nói riêng.

Trong những năm gần đây, ngành Y tế đang đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và tăng cường hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người dân. Cùng với đó, nhu cầu của bệnh nhân và cộng đồng trong việc tiếp cận nhanh chóng, chính xác, tin cậy các thông tin y tế ngày càng tăng cao.

Không nằm ngoài xu hướng đó, Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa đã xây dựng và ban hành quy định truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại đơn vị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc người bệnh, góp phần cải tiến, duy trì chất lượng khám chữa bệnh, hướng dẫn người bệnh và người nhà những nội dung cơ bản để yên tâm và phối hợp điều trị tại đơn vị.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn trong công tác truyền thông tại đơn vị, cụ thể như sau:

Tài liệu tuyên truyền, giáo dục sức khỏe còn phân tán, chủ yếu dưới dạng bài tuyên truyền, tờ rơi, poster dẫn đến khó bảo quản, cập nhật và chia sẻ rộng rãi.

Người bệnh, người nhà và nhân viên y tế khó tiếp cận đầy đủ nguồn thông tin hướng dẫn, khuyến cáo y khoa khi không trực tiếp có mặt tại cơ sở.

Kinh phí in ấn tài liệu, poster còn hạn chế. Người bệnh và thân nhân khó tiếp cận đầy đủ nguồn thông tin khi không trực tiếp có mặt tại cơ sở.

Cán bộ phụ trách công tác truyền thông chung của đơn vị kiêm nhiệm nhiều công việc. Nhân viên y tế dành phần lớn thời gian cho công tác chăm sóc, điều trị người bệnh tại các khoa lâm sàng nên thời gian dành cho công tác truyền thông, tư vấn sức khỏe cho người bệnh, người nhà hạn chế.

+ Thời gian nhân viên y tế tiếp xúc và tư vấn truyền thông cho bệnh nhân còn nhiều vấn đề hạn chế như thời gian cao điểm phải chăm sóc nhiều bệnh, thực hiện nhiều quy trình kỹ thuật cùng thời điểm,... dẫn đến việc truyền thông giáo dục sức khỏe chưa được tận tình và cung cấp chưa hết thông tin cần truyền tải.

Xuất phát từ thực tế trên, đồng thời sau quá trình giám sát thực hiện công tác truyền thông tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản & Phụ sản, nhận thấy các thông tin cần truyền tải cho thai phụ trước trong và sau khi sinh rất nhiều thông tin nên việc truyền tải và tiếp nhận thông tin cần thiết trong quá trình điều trị, chăm sóc chưa đạt hiệu quả cao như mong đợi, Phòng Điều dưỡng & TTGDSK thực hiện mô hình “Thư viện truyền thông online” tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản bằng cách quét mã QR với mục tiêu cụ thể như sau:

+ Nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ sau sinh.

+ Cung cấp thông tin chính thống, dễ hiểu, dễ tiếp cận.

+ Tăng tính chủ động của người dân trong việc tiếp cận kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Giảm tải cho nhân viên y tế trong việc tư vấn lặp lại.

+ Giảm kinh phí in ấn tài liệu truyền thông (tờ rơi, poster).

2. Nội dung và mô tả quá trình đưa mô hình, sáng kiến, giải pháp và dự kiến quá trình triển khai

2.1. Đối tượng thụ hưởng

- Phụ nữ mang thai.
- Phụ nữ sau sinh.
- Bệnh nhân đến khám và điều trị tại khoa.
- Nhân viên y tế.

2.2. Nội dung triển khai

Thiết kế nội dung truyền thông và xây dựng thư viện truyền thông (Ứng dụng Canva và google biểu mẫu) với các chủ đề truyền thông như sau:

- a. Chăm sóc thai kỳ
- b. Chuyển dạ và sinh con
- c. Nuôi con bằng sữa mẹ
- d. Kế hoạch hóa gia đình

e. Đánh giá hiệu quả truyền thông

2.3. Các bước tiến hành

Bước 1: Biên soạn tài liệu truyền thông theo chủ đề.

Bước 2: Xây dựng thư viện điện tử.

Bước 3: Tiến hành mã hóa và cập nhật tài liệu lên hệ thống.

Bước 4: Tạo mã QR để cập nhật nhanh tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe.

Bước 5: Dán mã QR Code tài liệu truyền thông GDSK tại khoa CSSKSS & phụ sản, nhân viên y tế hướng dẫn người bệnh và người nhà người bệnh cách xem tài liệu trên điện thoại thông minh.

Bước 6: Ghi nhận phản hồi ý kiến của người bệnh và người nhà khi xem tài liệu truyền thông trên điện thoại thông minh thông qua phiếu khảo sát.

Bước 7: Đánh giá và cải tiến cho phù hợp tình hình thực tế.

2.4. Thời gian thực hiện (Dự kiến)

- *Tháng 9:*

+ Biên soạn tài liệu truyền thông. Mã hóa tài liệu đã soạn.

+ Xây dựng thư viện điện tử và cập nhật tài liệu đã mã hóa lên hệ thống.

+ Tập huấn cho nhân viên khoa sử dụng thư viện và hướng dẫn người bệnh và người nhà.

- *Tháng 10:* Triển khai thí điểm tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản trong 1 tháng.

- *Tháng 11:* Tổng hợp báo cáo phản hồi của người bệnh và người nhà sau khi sử dụng. Đánh giá và tiếp tục cải tiến cho phù hợp.

2.5. Hiệu quả kỳ vọng.

- Giảm kinh phí in ấn tài liệu truyền thông phát cho người bệnh tại khoa.

- Hỗ trợ NVYT trong tư vấn truyền thông, tiết kiệm thời gian tư vấn lặp lại.

- Người bệnh và người nhà chủ động truy cập mọi lúc trên điện thoại thông minh và không giới hạn số lượng truy cập nhằm nâng cao kiến thức của bà mẹ, người nhà trong công tác chăm sóc sức khỏe thai kỳ, trẻ sơ sinh.

- Mô hình mẫu có thể nhân rộng tại các khoa lâm sàng tại bệnh viện.

3. Kết luận

Mô hình “Thư viện truyền thông online” không những giúp đổi mới hoạt động truyền thông trong chăm sóc sức khỏe sinh sản mà còn tận dụng tối đa các công cụ miễn phí, dễ áp dụng và có thể mở rộng ra toàn bệnh viện. Việc này phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, giúp nâng cao chất lượng phục vụ và kiến thức cộng đồng mà không cần đầu tư thêm kinh phí./.